



Phụ lục 06

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1893/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tam Anh)

STT		Tên đơn vị	Dự toán 2025							Quyết toán 2025							Đơn vị tính: đồng						
			Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyên nguồn	Hủy dự toán về NS	Nộp trả NS cấp trên	So sánh			
							Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX				Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
I	Các cơ quan tổ chức	210.291.248.153	28.683.076.364	156.566.010.929		25.042.160.860	9.565.442.360	15.476.718.500	183.062.421.914	19.641.261.675	148.050.713.644		15.370.446.595	8.724.616.360	6.645.830.235				87.05%	68.48%	94.56%	61.38%	
1	Trường THCS Nguyễn Khuyến(1025727)	210.291.248.153	28.683.076.364	156.566.010.929		25.042.160.860	9.565.442.360	15.476.718.500	183.062.421.914	19.641.261.675	148.050.713.644		15.370.446.595	8.724.616.360	6.645.830.235				87.05%	68.48%	94.56%	61.38%	
		9.713.857.000		9.713.857.000					9.645.554.870		9.645.554.870								99.3%		99.3%		
	Trường TH Trần Văn Ôn(1025728)	6.267.023.050		6.267.023.050					6.243.859.318		6.243.859.318								99.63%		99.63%		
	Trường TH Nguyễn Hiền(1025729)	10.674.434.000		10.674.434.000					10.620.240.368		10.620.240.368								99.49%		99.49%		
	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng(1025836)	6.638.871.000		6.638.871.000					6.598.660.200		6.598.660.200								99.39%		99.39%		
	Trường TH Trần Đại Nghĩa(1026574)	9.950.963.000		9.950.963.000					9.950.873.000		9.950.873.000								100%		100%		
	Trường Mẫu giáo công lập Ánh Dương(1026577)	5.178.653.000		5.178.653.000					5.177.517.500		5.177.517.500								99.98%		99.98%		
	Trường Mẫu giáo công lập Tuổi Thơ(1026736)	4.401.488.000		4.401.488.000					4.399.588.000		4.399.588.000								99.96%		99.96%		
	Trường Mẫu giáo công lập Măng Non(1027597)	3.234.419.800		3.234.419.800					3.197.617.746		3.197.617.746								98.86%		98.86%		
	Công an Xã(1053629)	1.050.203.468		911.653.468		138.550.000		138.550.000	346.570.396		216.264.796		130.305.600		130.305.600				33%		23.72%	94.05%	
	Trường THCS Lương Thế Vinh(1083219)	6.477.516.000		6.477.516.000					6.453.874.420		6.453.874.420								99.64%		99.64%		
	Văn phòng Đảng ủy Xã Tam Anh(1144906)	5.622.568.072		5.622.568.072					5.321.179.308		5.321.179.308								94.64%		94.64%		
	Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND Xã Tam Anh(1145338)	7.324.951.970		7.324.951.970					6.651.878.040		6.651.878.040								90.81%		90.81%		
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tam Anh(1146753)	3.270.902.920		3.073.639.920		197.263.000		197.263.000	3.211.669.522		3.070.518.522		141.151.000		141.151.000				98.19%		99.9%	71.55%	
	TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ TAM ANH(1150693)	864.230.800		864.230.800					854.230.800		854.230.800								98.84%		98.84%		
	PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI XÃ TAM ANH(1150694)	39.046.470.844		37.268.300.844		1.778.170.000		1.778.170.000	37.636.293.414		36.656.216.414		980.077.000		980.077.000				96.39%		98.36%	55.12%	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH(1150695)	50.172.012.407		36.933.452.447		13.238.559.960		13.238.559.960	36.332.446.543		31.061.523.501		5.270.923.042		5.270.923.042				72.42%		84.1%	39.81%	
	Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tam Anh(1156192)	2.264.164.098		2.139.988.558		124.175.540		124.175.540	2.034.490.434		1.911.116.841		123.373.593		123.373.593				89.86%		89.31%	99.35%	
	Kiến cổ hóa mặt đường GTNT năm 2011 - xã Tam Hòa(7304351)	163.800.000	163.800.000						14.680.000	14.680.000									8.96%	8.96%			
	Bê tông hóa mặt đường GTNT nông thôn mới năm 2019- xã Tam Hòa(7780256)	57.243.000				57.243.000	57.243.000		57.243.000				57.243.000	57.243.000					100%			100%	
	NĂNG CẤP TUYÊN QUỐC LỘ 1 A ĐẾN KINH N(7783484)	69.295.860				69.295.860	69.295.860		69.295.860				69.295.860	69.295.860					100%			100%	
	Bê tông hóa mặt đường Giao thông nông thôn năm 2020 - xã Tam Hòa(7843475)	184.384.000				184.384.000	184.384.000		184.384.000				184.384.000	184.384.000					100%			100%	
	Bê tông hóa mặt đường giao thông nội đồng năm 2020 - xã Tam Hòa(7843476)	93.519.000				93.519.000	93.519.000		93.519.000				93.519.000	93.519.000					100%			100%	
	Cảnh quang môi trường: Hàng mục: Trồng cây xanh trục đường thôn Hòa Bình(7859440)	22.382.000				22.382.000	22.382.000		22.382.000				22.382.000	22.382.000					100%			100%	
	Via hè, mương thoát nước UBND xã(7927814)	209.743.000				209.743.000	209.743.000		101.574.000				101.574.000	101.574.000					48.43%			48.43%	
	Xây mới tường rào sân bóng đá thôn Bình An, Hòa Bình(7927816)	11.646.000				11.646.000	11.646.000		11.646.000				11.646.000	11.646.000					100%			100%	
	Kiến cổ hóa đường DH2.NT; Hàng mục: Mở rộng mặt đường và mương thoát nước(7968225)	8.788.552.364	8.788.552.364						6.893.415.675	6.893.415.675									78.44%	78.44%			
	Kê chống sụt lún, ngăn ngót thôn Phú Vinh(7972469)	158.024.000	158.024.000						153.262.000	153.262.000									96.99%	96.99%			
	Cửa Ông Hạc(7972930)	1.032.809.000	1.032.809.000						780.000.000	780.000.000									75.52%	75.52%			
	Hệ thống nước sạch xã Tam Anh Nam(7977780)	634.072.000	634.072.000						633.887.000	633.887.000									99.97%	99.97%			
	Đường GTNT tuyến từ ông Lập - ông Thầu (Đức Bó 1)(8026448)	48.204.000				48.204.000	48.204.000		48.204.000				48.204.000	48.204.000					100%			100%	
	Đường GTNT tuyến từ ông Bùn - ông Sơn (Thuận An)(8026449)	74.317.000				74.317.000	74.317.000		74.317.000				74.317.000	74.317.000					100%			100%	
	Đường GTNT tuyến từ ông Phú - nhà ông Công (Đức Bó 1)(8031616)	118.109.000				118.109.000	118.109.000		116.042.000				116.042.000	116.042.000					98.25%			98.25%	

	Nhà văn hóa Đông Thanh;Hạng mục: Bé tổng sản nhà văn hóa(8036638)	2.574.000				2.574.000	2.574.000		2.574.000				2.574.000	2.574.000				100%			100%
	Lát gạch vỉa hè từ nhà ông Phúc đến nhà ông Cách(8036652)	7.913.000				7.913.000	7.913.000		7.913.000				7.913.000	7.913.000				100%			100%
	Trường TH Nguyễn Hiền (Cơ sở chính - Xuân Ngọc); HMT Nhà bếp, nhà ăn bán trả(8039184)	405.178.000				405.178.000	405.178.000		405.178.000				405.178.000	405.178.000				100%			100%
	Kênh N2962 - Bàu Bàu(8040182)	113.095.000				113.095.000	113.095.000		113.095.000				113.095.000	113.095.000				100%			100%
	Nhà VH Tiên Xuân 2, HM: Nâng cấp sân sinh hoạt văn hóa thôn Tiên Xuân 2 - Lát gạch SV, bồn hoa, cây xanh, lắp đặt thêm hệ thống điện chiếu sáng, cải tạo phòng vệ(8040533)	103.689.000				103.689.000	103.689.000		103.689.000				103.689.000	103.689.000				100%			100%
	Hệ thống điện chiếu sáng 02 thôn Đông Thanh, Bình An(8040537)	88.767.000				88.767.000	88.767.000		88.767.000				88.767.000	88.767.000				100%			100%
	Nhà văn hóa thôn Bình An; Hạng mục: Lát gạch vỉa hè(8041499)	1.610.000				1.610.000	1.610.000		744.000				744.000	744.000				46.21%			46.21%
	Kênh N293.1.1 (Nhất) - Đập Lân (Trà Lỳ)(8041393)	125.271.000				125.271.000	125.271.000		110.918.000				110.918.000	110.918.000				88.54%			88.54%
	Nhà ăn Trường tiểu học Trần Văn On(8049294)	144.859.000				144.859.000	144.859.000		144.859.000				144.859.000	144.859.000				100%			100%
	Điện thắp sáng các tuyến đường ngõ xóm (điện năng lượng mặt trời)(8049642)	103.157.000				103.157.000	103.157.000		103.157.000				103.157.000	103.157.000				100%			100%
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Anh Nam; Tuyến ống Dăng - Ống Bích(8050986)	146.431.000	146.431.000						146.431.000	146.431.000								100%	100%		
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Anh Nam; Tuyến nhà văn hóa Tiên Xuân - nhà ông Hài(8050988)	181.249.000	181.249.000						181.249.000	181.249.000								100%	100%		
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Hòa; Tuyến Ống Hoàng - Bờ Kè(8051723)	40.305.000	40.305.000						39.559.000	39.559.000								98.15%	98.15%		
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Hòa; Tuyến nhà Búi Hùng - nhà bà Nga(8051724)	30.786.000	30.786.000						30.081.000	30.081.000								97.71%	97.71%		
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Anh Bắc; Tuyến QP ông Vui - giúp cầu Bến Trảy(8051947)	1.997.681.000	1.997.681.000						1.997.681.000	1.997.681.000								100%	100%		
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Hòa; Tuyến nhà Lân - nhà bà Bến(8052667)	901.493.000	901.493.000						358.243.000	358.243.000								39.74%	39.74%		
	Cổng Đập Dù, xã Tam Anh Bắc(8052787)	854.940.000	854.940.000						634.310.000	634.310.000								74.19%	74.19%		
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Hòa; Tuyến nhà ông Luân - nhà ông Đồi(8055939)	150.492.000	150.492.000						145.089.000	145.089.000								96.41%	96.41%		
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Anh Bắc; Tuyến ống Thuận - kênh N2(8057471)	830.000.000	830.000.000						830.000.000	830.000.000								100%	100%		
	Mở rộng hệ thống điện chiếu sáng xã Tam Hòa(8057604)	230.458.000	230.458.000						227.236.000	227.236.000								98.6%	98.6%		
	Mở rộng hệ thống điện chiếu sáng xã Tam Anh Nam(8057626)	124.851.000	124.851.000						124.851.000	124.851.000								100%	100%		
	Mở rộng hệ thống điện chiếu sáng xã Tam Anh Bắc(8057632)	188.309.000	188.309.000						188.308.000	188.308.000								100%	100%		
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Anh Bắc; Tuyến QL1A - đường nối Việt Hàn(8057635)	1.672.000.000	1.672.000.000						1.554.215.000	1.554.215.000								92.96%	92.96%		
	Kênh N2-9-3 Nam Phú Ninh đi qua các xã Tam Xuân 1, Tam Xuân 2 và Tam Anh Bắc) - Hạng mục: Sửa chữa nâng cấp đoạn qua xã Tam Anh Bắc(8059045)	2.506.898.000				2.506.898.000	2.506.898.000		1.856.468.000				1.856.468.000	1.856.468.000				74.05%			74.05%
	Kênh N2-9 Nam Phú Ninh đi qua các xã Tam Anh Bắc, Tam Anh Nam; Hạng mục: Sửa chữa nâng cấp(8059319)	2.318.248.500				2.318.248.500	2.318.248.500		2.318.248.500				2.318.248.500	2.318.248.500				100%			100%
	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đê 4617 thôn Phú Vinh, xã Tam Hòa(8060074)	1.669.704.000	1.669.704.000						1.059.442.000	1.059.442.000								63.45%	63.45%		
	Nhà VH Tiên Xuân 1 -Hạng mục: Nâng cấp sân sinh hoạt văn hóa thôn Tiên Xuân 1; Lát gạch SV, bồn hoa, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng nền sân, lắp đặt đèn(8064198)	222.237.000				222.237.000	222.237.000		222.237.000				222.237.000	222.237.000				100%			100%
	Đường GTNT tuyến từ đường DH- nhà ông Minh (Bình An)(8065805)	302.857.000				302.857.000	302.857.000		301.437.000				301.437.000	301.437.000				99.53%			99.53%
	Kênh N293-1 ống Luân đi mượn tiểu, thôn Trà Lỳ(8067357)	110.000.000	110.000.000						94.405.000	94.405.000								85.82%	85.82%		

Mở rộng và kiến cổ Mương Sác, xã Tam Anh Nam(8067364)	60.151.000	60.151.000					44.938.000	44.938.000									74.71%	74.71%		
Kênh N28 đội 1-1 (thửa đất bà Đoàn Thị Xuân đến sông), thôn Đúc Bó 1(8068109)	80.000.000	80.000.000					80.000.000	80.000.000									100%	100%		
Củng hóa giao thông nội đồng từ Gò ông 9 Chung - 7 Sen (Trà Lỗ)(8069602)	34.000.000			34.000.000	34.000.000		22.000.000				22.000.000	22.000.000					64.71%			64.71%
Đường GTNT: Tuyến từ đường BT Tổ 3 đến nhà ông Bình thôn Tiên Xuân 2;(8071210)	62.803.000	62.803.000					59.309.000	59.309.000									94.44%	94.44%		
Nhà văn hóa thôn Xuân Ngọc, xã Tam Anh Nam(8071211)	99.050.000	99.050.000					95.987.000	95.987.000									96.91%	96.91%		
Đường GTNT: BTH tuyến từ nhà ông Thọ đến nhà ông Khánh thôn Xuân Ngọc (có công thoát nước) (8071804)	108.532.000			108.532.000	108.532.000		108.532.000				108.532.000	108.532.000					100%			100%
Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ xã Tam Hòa(8083671)	214.292.000	214.292.000					214.292.000	214.292.000									100%	100%		
Kênh N286 Đội 2 - Đồng Bông (Đúc Bó 1)(8086885)	58.500.000			58.500.000	58.500.000		58.500.000				58.500.000	58.500.000					100%			100%
Kênh N29.3.2.4 (Thuận An),(8086886)	58.500.000			58.500.000	58.500.000		40.000.000				40.000.000	40.000.000					68.38%			68.38%
Sân bóng đá 7 người tại Trường THCS Nguyễn Khuyến - Hạng mục: Sân, cỏ nhân tạo, hệ thống lưới chắn, điện chiếu sáng, thoát nước mặt sân(8096288)	51.300.000			51.300.000	51.300.000		51.300.000				51.300.000	51.300.000					100%			100%
Củng hóa giao thông nội đồng Ông Tư - Ông Sĩ (Đồng giồng méo đội 7 - Đúc Bó 1)(8097846)	18.800.000			18.800.000	18.800.000		16.000.000				16.000.000	16.000.000					85.11%			85.11%
Mương thoát nước Khu Trung tâm hành chính xã(8097848)	39.750.000			39.750.000	39.750.000		38.000.000				38.000.000	38.000.000					95.6%			95.6%
Hệ thống mương thoát nước (Đoạn từ nhà bà Thủy - sông Trầu, thôn TX1)(8098912)	281.286.000			281.286.000	281.286.000		280.555.000				280.555.000	280.555.000					99.74%			99.74%
Bê tông GTNT tuyến từ ngã ba HTX Thuận An đến đường đi Trạm bơm thôn Thuận An(8099582)	202.267.000			202.267.000	202.267.000		202.267.000				202.267.000	202.267.000					100%			100%
Trường TH Nguyễn Hiền; Hạng mục: Sân nền, hệ thống thoát nước, mái che đường nội bộ và nền sân nhà bếp ăn bán trú cơ sở chính (Thôn Xuân Ngọc)(8101958)	140.000.000			140.000.000	140.000.000		140.000.000				140.000.000	140.000.000					100%			100%
Nâng cấp sân bóng đá 7 người khu thể thao xã; Hạng mục: Sân cỏ tự nhiên(8103602)	90.000.000			90.000.000	90.000.000		90.000.000				90.000.000	90.000.000					100%			100%
Cảnh quan môi trường Khu trung tâm hành chính xã; Hạng mục: Trồng cây xanh, rào chắn bảo vệ cây(810611)	170.811.000			170.811.000	170.811.000		170.811.000				170.811.000	170.811.000					100%			100%
Nhà văn hóa du năng xã;Hạng mục: Bê tông sân vườn, bồn hoa, cây xanh, hệ thống điện thấp sáng(8104105)	203.300.000			203.300.000	203.300.000		188.424.000				188.424.000	188.424.000					92.68%			92.68%
Xây dựng cảnh quan môi trường các thôn; Hạng mục: Trồng cây xanh(8109808)	59.200.000			59.200.000	59.200.000		55.083.000				55.083.000	55.083.000					93.05%			93.05%
Khu neo đậu tránh trú bão thôn Tiên Xuân 1, xã Tam Anh Nam(8118861)	1.537.041.000	1.537.041.000					1.065.977.000	1.065.977.000									69.35%	69.35%		
Nâng cấp, sửa chữa Hố trường-Trụ sở UBND xã(8119898)	223.582.000	223.582.000					223.582.000	223.582.000									100%	100%		
Khu thể thao thôn Phú Vinh; Hạng mục: Tường rào lưới B40, chỉnh trang mặt bằng sân thể thao(8121369)	714.000.000			714.000.000	714.000.000		705.253.000				705.253.000	705.253.000					98.77%			98.77%
Hoàn thiện hạ tầng, cảnh quan Nhà văn hóa thôn Xuân Ngọc, xã Tam Anh Nam(8123210)	744.680.000	744.680.000					744.680.000	744.680.000									100%	100%		
Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Anh Bắc tuyến từ nhà ông Được đi Kênh N2-8(8155913)	1.001.193.000	1.001.193.000					141.756.000	141.756.000									14.16%	14.16%		
Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Anh Bắc Tuyến: Quốc lộ 1A đi nhà văn hóa thôn An Lương; Quốc lộ 1A đi nhà ông Khánh; Đường Quốc Phòng đi nhà ông Nhân.(8157787)	777.000.000	777.000.000					143.988.000	143.988.000									18.53%	18.53%		
Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Hòa; Tuyến: ĐXI, TH-DH2- Nhà ông Lưu (Đoạn DH2- nhà ông Huân)(8157985)	1.488.501.000	1.488.501.000					263.497.000	263.497.000									17.7%	17.7%		

	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Hòa; Tuyến: DXT.11H- Ngã 3 Đủ Đeo- Công số 1; DH2- nhà ông Nghĩa(8157986)	980.000.000	980.000.000						190.291.000	190.291.000								19.42%	19.42%		
	GTNT xã Tam Anh Nam - Tuyến nhà ông Phúc đến nhà ông Sơn; đường bê tông Xuân Tri đến nhà ông Phú(8157988)	704.855.000	704.855.000						116.648.000	116.648.000								16.55%	16.55%		
	GTNT xã Tam Anh Bắc - Tuyến: nhà Bà Nguyễn Thị Thảo đi cây Gõ; nhà ông Tiến đến nhà ông Nguyễn Vinh; nhà bà Dung đến nhà ông Bảy; nhà ông Bình đi nhà(8157989)	803.972.000	803.972.000						169.972.000	169.972.000								21.14%	21.14%		
	Phòng giao dịch số 6 - KBNN khu vực XIII(0125597)								20.000.000	20.000.000											
II	Dự phòng ngân sách																				
III	Bổ sung cơ mục tiêu cho ngân sách cấp dưới																				
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên								2.053.380.442	110.000.000							2.053.380.442				
V	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau								29.639.820.855								29.639.820.855				